

Bản án số: 23/2018/HSST
Ngày 12-10-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LÂM – TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phi

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hạnh

Bà Nguyễn Thị Hương Bình

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm , tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Học - Kiểm sát viên.

Ngày 12/10/2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 21/2018/HSST ngày 11 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:18/2018/HSST-QĐ ngày 17 tháng 7 năm 2018 đối với các bị cáo:

1/ Lê Công T (tên gọi khác: B), sinh năm 1993 tại Khánh Hòa; nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Công M, sinh năm 1951 và bà Mai Thị V, sinh năm 1957; vợ: Trương Thị Hồng L, sinh 1995 (đã ly thân); con: Lê Vy Bảo H, sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 21/11/2014 bị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 01 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, chấp hành án xong ngày 11/12/2014.

Ngày 30/5/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; bị cáo bị bắt giam từ ngày 15/9/2017 (có mặt).

2/ Lê Công L1 (tên gọi khác: L2), sinh năm 1992 tại Khánh Hòa; nơi cư trú: Thôn T, xã Suối C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Công M, sinh năm 1951 và bà Mai Thị V, sinh năm 1957; vợ: Nguyễn Thị Ngọc O, sinh 1994; con: Lê Nguyên H1, sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 19/5/2008 bị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 06 năm tù về tội “Hiếp dâm trẻ em”, chấp hành án xong ngày 30/8/2010.

Ngày 30/5/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; bị cáo bị bắt giam từ ngày 19/9/2017 (có mặt).

3/ Nguyễn Thanh S, sinh năm 1998 tại Khánh Hòa; nơi cư trú: Thôn T, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quốc T1, sinh năm 1972 và bà Lê Thị Mai G, sinh năm 1979; vợ, con: chưa; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 30/5/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm xử phạt 30 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; bị cáo bị bắt giam từ ngày 19/9/2017. (có mặt).

4/ Nguyễn Anh Q (tên gọi khác: B1), sinh năm 1998 tại Khánh Hòa; nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B2, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị B3, sinh năm 1969; vợ, con chưa; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt giam từ ngày 19/9/2017 (có mặt).

5/ Huỳnh Quốc N (tên gọi khác: P), sinh ngày 18 tháng 8 năm 2000, tại Khánh Hòa; nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Ngọc S1, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1965; vợ, con: chưa; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 30/5/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm xử phạt 24 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; bị cáo bị bắt giam từ ngày 17/10/2017 (có mặt).

6/ Nguyễn Văn H2 (tên gọi khác: T2), sinh ngày 24 tháng 12 năm 2000 tại Khánh Hòa; nơi cư trú: Số 153/20 N, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hồng Phụng H3, sinh năm 1976 và bà Lê Thị Mỹ L3, sinh năm 1980; vợ, con: chưa; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

- Đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn H2: Bà Lê Thị Mỹ L3, sinh năm 1980; nơi cư trú: Số 153/20 N, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa và ông Nguyễn Hồng Phụng H3, sinh năm 1976; trú tại: thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa, là cha, mẹ của bị cáo (ông H3 có mặt, bà L có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo cho bị cáo:

Ông Trần Văn S2, Luật sư Văn phòng luật sư Văn S thuộc Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa bào chữa cho bị cáo Huỳnh Quốc N và Nguyễn Văn H2. (có mặt).

- Bị hại:

1/ Lê Minh T3, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. (vắng mặt)

2/ Trần Anh K, sinh 1993; địa chỉ: Thôn G, xã S, huyện D, tỉnh Khánh Hòa (vắng mặt)

3/ Nguyễn Văn B4, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. (vắng mặt)

4/ Cao L4, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn G, xã S, huyện D, tỉnh Khánh Hòa (vắng mặt)

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:

Ông Lê Thanh S3, Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Khánh Hòa bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Cao L4. (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Đoàn Văn S4, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. (vắng mặt)

2/ Nguyễn Chí H4, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn P, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. (vắng mặt)

3/ Đoàn Vũ Nhật T4, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. (vắng mặt)

4/ Nguyễn Thị N1, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. (có mặt)

5/ Huỳnh Ngọc S1, sinh năm 1962; Thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. (vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

1/ NLC1. (vắng mặt)

2/ NLC2. (vắng mặt)

3/ NLC3. (vắng mặt)

4/ NLC4. (vắng mặt)

5/ NLC5. (vắng mặt)

6/ NLC6. (vắng mặt)

7/ NLC7. (vắng mặt)

8/ NLC8. (vắng mặt)

9/ NLC9. (vắng mặt)

10/ NLC10. (vắng mặt)

11/ NLC11. (vắng mặt)

12/ NLC12. (vắng mặt)

13/ NLC13. (vắng mặt)

14/ NLC14. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 01/01/2017, Nguyễn Tiến Đ điều khiển xe mô tô từ xã S về nhà ở xã S, huyện D. Khi đi qua nhà Phan Hoài N2 ở thôn T, xã S, huyện C thấy N2 đang ngồi chơi ở trước nhà cùng Huỳnh Quốc N và một số thanh niên xã S. Do có quen biết nên Đ ra tín hiệu còi để chào N2 nhưng N cho rằng Đ khiêu khích mình nên điều khiển xe mô tô đuổi theo. Thấy vậy, Đ điều khiển xe chạy đến nhà Lê Minh T3 ở cùng thôn với N2 nhờ can thiệp nên N điều khiển xe quay về nhà Ngô Quang T5 và nói với Lê Công L1, Lê Công T, Nguyễn Anh Q, Đoàn Vũ Nhật T4, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Văn H2 và Nguyễn Văn T6 đang ngồi nhậu tại nhà T5 là Đ đã đánh N. Sau khi nghe N nói, T rủ cả nhóm cùng đi đánh Đ. Khi đi, T và S xuống khu bếp nhà anh T5 lấy 01 cái kéo và 01 cây tuýp sắt mang theo. T6 điều khiển xe mô tô chở T và T4; H2 điều khiển xe mô tô chở N, Q, S. Khi đến trước nhà N2, cả nhóm gặp T3 thì Q đi về nhà mình. Nghĩ T3 là người chặn đánh N nên S cầm cây tuýp sắt xông đến định đánh T3 nhưng T can ngăn. T3 bỏ về nhà, cả nhóm T tiếp tục đi tìm Đ. Khi đi đến trước cổng nhà T3 thấy Đ đang nói chuyện với T3 nên nhóm T dừng xe lại. N xuống xe chạy đến với mục đích giữ Đ lại thì T3 ôm N để Đ điều khiển xe bỏ chạy. Khi Đ vừa đi, T3 thả N ra thì S cầm tuýp sắt tiến đến định đánh T3 nhưng bị T3 dùng tay trái đánh 01 cái trúng vùng mặt làm cho S té vào hàng rào cây xanh. Thấy xảy ra đánh nhau nên N và T6 bỏ đi, còn H2 không tham gia mà đứng bên nhà T3 quan sát. Thấy S bị đánh nên T cầm kéo, T4 dùng tay và S đứng dậy cầm tuýp sắt cùng xông vào đánh T3. T cầm kéo đâm T3 01 cái vào cánh tay trái và 01 cái vào vùng hông phải gây thương tích, thấy vậy nên chị Nguyễn Thị Thu T7 (vợ T) hô hoán. Nghe hô hoán, anh Nguyễn Chí H4 (anh rể T3) ở trong nhà chạy ra can ngăn thì bị S cầm cây tuýp sắt đánh 01 cái trúng vùng đầu làm gãy 01 đoạn tuýp sắt rơi xuống đường. Thấy T3 và H4 bị đánh nên Đoàn Văn S4 đang ở trong nhà T3 chạy ra nhặt 01 cây gỗ tròn đánh 01 cái vào vùng đầu của T4, cùng lúc này có ông Lê Văn S5, bà Nguyễn Thị Diễm L5 (cha, mẹ ruột của T3), Trần Anh K, Cao L4 (bạn T3) từ trong nhà T3 chạy ra nên T, T4, S bỏ về nhà. Lúc này, Q từ đường bê tông bên hông nhà T3 đi đến thì bị T3 chặn lại, dùng tay đánh 01 cái vào vùng mặt Q. Thấy vậy, H2 điều khiển xe chạy theo chở Q về nhà Q lấy 01 cây rựa chạy đến nhà T5.

Bức xúc việc mình và anh rể bị đánh nên T3 một mình đi tìm nhóm của T để đánh lại. Khi qua khu vực bờ tràn ở cùng thôn, T3 nhặt 01 cây gỗ tròn mang theo. Thấy T3 đi tìm nhóm T nên từ trong nhà T3 có Nguyễn Văn B4, K mỗi người cầm 01 cây rựa, S4 cầm 01 cây kiếm và L4 tay không đi sau T3 theo hướng bờ tràn đến nhà T.

T, T4 và S đi về đến khu vực nhà T5 thì gặp L1, Q, N, H2 và Nguyễn Quốc D. Do vết thương đang chảy máu nên T4 bỏ đi về nhà. Lúc này T rủ cả nhóm tiếp

tục đến nhà T3 để đánh T3 thì D can ngăn nhưng T, L1, Q, S, N, H2 không đồng ý. S và N đi về nhà T lấy 01 cây kiếm, 01 con dao, 02 con dao tự tạo, 01 cây tuýp sắt đem đến làm hung khí đánh nhau. Thấy S và N mang hung khí đến nên T cầm kiếm, S và N mỗi người cầm 01 con dao tự tạo, Q cầm rựa đi đến nhà T3. Khi đến gần khu vực nhà Q thì L1 cầm dao, H2 cầm tuýp sắt chạy theo và nói cho nhóm T biết là T3 đang đi từ hướng bờ tràn đến nhà T5 nên cả nhóm cầm hung khí quay về lại nhà T5. Khi đến đường bê tông gần nhà T5 thì gặp T3, B4, S4, K và L4 nên S nhặt 01 viên gạch, N nhặt 01 hòn đá ném vào nhóm T3. T3 cầm cây xông vào liền bị L1 cầm dao chém 01 cái làm cây gỗ của T3 rơi xuống đường. Q cầm rựa xông vào định chém T3 thì T3 giật lấy cây kiếm của S4 chém vào người Q, khiến Q ngã xuống đường. T3 tiếp tục cầm kiếm chém L1, L1 cầm dao đỡ và chém lại trúng vào vùng đầu của T3, làm T3 ngã xuống đường thì Q đứng dậy cầm rựa cùng N cầm mã tấu chém liên tiếp vào người T3. Thấy T3 bị đánh, K cầm rựa xông vào thì bị T cầm kiếm chém 01 cái trúng vào tay phải K nên K bỏ chạy. L4 nhặt cây tre bên lề đường xông vào thì bị T cầm kiếm và S cầm dao tự tạo chém trúng vào người nên L4 quay lưng bỏ chạy. Thấy nhóm T4 bị đánh nên B4 cầm rựa chạy từ phía sau nhóm T đến và dùng sóng rựa đánh vào lưng của H2, N, S thì bị L cầm dao chém trúng vào tay phải, cây rựa rơi xuống đường nên B4 bỏ chạy. T, L, S cầm hung khí đuổi theo đến đối diện bờ tràn thấy B4, K, L4 đang đứng cùng Đ với Ngô Văn Đ1 và Lê Phúc B5 nên hai bên dừng lại, không đánh nhau nữa mà nói chuyện to tiếng được một lúc thì ông Lê Công M (cha ruột L1, T) đi đến chỗ B5 giật lấy cây gỗ của B5 cầm về và cả nhóm T bỏ đi. Sau đó, T3, K, Lợi. và B4 được đưa đến bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa cấp cứu.

Sau khi điều trị vết thương thì Lê Minh T3, Trần Anh K, Cao L4 và Nguyễn Văn B4 có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với nhóm Lê Công T.

Tại giấy chứng nhận thương tích số:15/2017/CN ngày 05/01/2017 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hòa xác định thương tích của Lê Minh T3: Vết thương đùi mặt trong đùi trái dài khoảng 10 cm, đứt cơ may, cơ thon và một phần cơ tứ đầu đùi; vết thương mặt ngoài cổ chân trái dài 08 cm, gãy đầu dưới xương mác trái, gãy một phần đầu xương chày trái, đứt gân cơ mác ngấn mác dài chân trái, hạn chế vận động cổ chân và đùi trái; tay trái: Cánh tay có vết thương khoảng 10 cm xây xước da, cẳng tay trái dài 03 cm; vết thương mu chân phải dài 04 cm; vết thương đỉnh đầu dài 06 cm; vết thương thái dương trái tới vành tai dài 08 cm; vết thương xây xước da vùng hông phải dài khoảng 10 cm; vết thương xây xước da vùng vai trái diện rộng dài 20cmx10 cm.

Tại giấy chứng thương tích số: 41/2017/CN ngày 16/01/2017 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hòa xác định thương tích của Trần Anh K: Vết thương khuỷu tay phải khoản 04 cm rách da, xây xước da gối trái. Lưng có hai dấu bầm da 10 cm, 09 cm.

Tại giấy chứng nhận thương tích số: 298/2017/CN ngày 03/5/2017 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hòa xác định thương tích của Cao L4: Vết thương má trái khoản 05 cm, vết thương má phải khoản 03 cm; vết thương đứt gần lìa ngón III tay phải.

Tại giấy chứng nhận thương tích số: 27/2017/CN ngày 11/01/2017 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hòa xác định thương tích của Nguyễn Văn B4: Vết thương 1/3 trên mặt sau trong cẳng tay phải kích thước khoảng 08 cm, vết thương phần mềm ngón I bàn tay trái kích thước khoảng 02 cm.

Ngày 24/5/2017, Trung tâm pháp y tỉnh Khánh Hòa kết luận tỉ lệ thương tật của Lê Minh T3 là 26%, của Trần Anh K là 02%. Ngày 07/6/2017, Trung tâm pháp y tỉnh Khánh Hòa kết luận tỉ lệ thương tật của Cao L4 là 17%, Nguyễn Văn B4 là 09%.

Ngày 13/12/2017, Trung tâm pháp y tỉnh Khánh Hòa có Công văn xác định vết thương ở vùng cánh tay trái và vùng hông bên phải của Lê Minh T3 có tỉ lệ thương tật là 02%.

Ngày 06/6/2018, Trung tâm pháp y tỉnh Khánh Hòa kết luận tỉ lệ thương tật đối với vết thương ở vùng cánh tay trái và vùng hông phải của Lê Minh T3 là 02%.

Đối với Lê Minh T3, Đoàn Văn S4, Nguyễn Văn B4, Trần Anh K, Cao L4 đã tham gia đánh nhau với nhóm của Lê Công T. T3 là người trực tiếp gây ra thương tích cho Nguyễn Anh Q, Lê Công L1, Nguyễn Thanh S. S4 gây ra thương tích cho Đoàn Vũ Nhật T4. B4 gây thương tích cho Huỳnh Quốc N, Nguyễn Thanh S và Nguyễn Văn H2. Tuy nhiên, Q, L, S, T4, N, H2 đã từ chối giám định tỷ lệ thương tật nên không có cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với T3, S4, B4, K và L4.

Đối với hành vi của Đoàn Vũ Nhật T4 cùng với Lê Công T và Nguyễn Thanh S đã cầm kéo, tuýp sắt và T4 dùng tay đánh Lê Minh T3 gây thương tích với tỉ lệ thương tật là 2%. Ngày 23/4/2018 Lê Minh T3 đã có đơn rút yêu cầu khởi tố đối với Đoàn Vũ Nhật T4 nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cam Lâm đã ra quyết định đình chỉ điều tra đối với Đoàn Vũ Nhật T4 về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Cáo trạng số 17/CT-VKSCL ngày 10/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa đã truy tố các bị cáo Lê Công T, Lê Công L1, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Anh Q, Huỳnh Quốc N, Nguyễn Văn H2 về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 2 Điều 104 (trường hợp thuộc điểm a, c khoản 1 Điều 104) Bộ luật hình sự năm 1999.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 104 (viện dẫn điểm a, c khoản 1 Điều 104) Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Lê Công T từ 42 đến 48 tháng tù; áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 tổng hợp hình phạt 03 năm 06 tháng tù tại Bản án hình sự số 08/2018/HSST ngày 30/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung.

Áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 104 (viện dẫn điểm a, c khoản 1 Điều 104) Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo Lê Công L1 từ 42 đến 48 tháng tù; áp

dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 tổng hợp hình phạt 03 năm 06 tháng tù tại Bản án hình sự số 08/2018/HSST ngày 30/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung.

Áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 104 (viện dẫn điểm a, c khoản 1 Điều 104) Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S từ 36 đến 42 tháng tù; áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 tổng hợp hình phạt 02 năm 06 tháng tù tại Bản án hình sự số 08/2018/HSST ngày 30/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung.

Áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 104 (viện dẫn điểm a, c khoản 1 Điều 104) Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Anh Q từ 30 đến 36 tháng tù.

Áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 ; Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 104 (viện dẫn điểm a, c khoản 1 Điều 104) Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Huỳnh Quốc N từ 24 đến 30 tháng tù; áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 tổng hợp hình phạt 02 năm tù tại Bản án hình sự số 08/2018/HSST ngày 30/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung.

Áp dụng điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự 2015; khoản 2 Điều 104 (viện dẫn điểm a, c khoản 1 Điều 104) Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H2 từ 18 đến 21 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn tuýp sắt tròn dài 0m50, đường kính 0m015 màu xám; 01 cây gỗ tròn màu vàng dài 0m85, đường kính một đầu 0m05 và 01 đầu 0m04 theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

Về phần dân sự: Các bị hại Lê Minh T3, Trần Anh K, Nguyễn Văn B4, Cao L4 vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đoàn Văn S4, Nguyễn Chí H4, Đoàn Vũ Nhật T4 vắng mặt nên tách phần dân sự ra giải quyết trong vụ án khác khi có yêu cầu.

Bị cáo Q đã bồi thường cho T3 3.500.000 đồng; bị cáo H2 đã bồi thường cho Thi 1.500.000 đồng.

Bị cáo Q cùng H2 bồi thường cho Nguyễn Văn B4 2.000.000 đồng, bồi thường cho Trần Anh K 500.000 đồng.

Ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo: Đồng ý với lời luận tội của Kiểm sát viên, tuy nhiên xem xét giảm nhẹ cho bị cáo N và bị cáo H2 vì nguyên nhân dẫn tới hành vi phạm tội của các bị cáo cũng có một phần lỗi của người bị hại; hoàn cảnh gia đình của H2 là bố mẹ ly hôn nên thiếu sự quan tâm giáo dục từ gia đình.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Cao L4: Thống nhất với lời luận tội của Đại diện viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Người bị hại Lê Minh T3, Cao L4, Nguyễn Văn B4, Trần Anh K vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đoàn Văn S4, Nguyễn Chí H4, Đoàn Vũ Nhật T4, Huỳnh Ngọc S vắng mặt; người làm chứng vắng mặt. Việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 292 và 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Tại thời điểm có Quyết định vụ án ra xét xử (ngày 17 tháng 7 năm 2018) bị cáo Huỳnh Quốc N sinh ngày 18 tháng 8 năm 2000 chưa đủ 18 tuổi nên trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử xác định cha mẹ bị cáo là người đại diện hợp pháp và luật sư Trần Văn S2 là bào chữa cho bị cáo. Tại thời điểm xét xử, bị cáo N đã đủ 18 tuổi nên xác định cha mẹ bị cáo là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Luật sư Trần Văn S2 bào chữa cho bị cáo N là theo yêu cầu của bị cáo.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về quá trình thu thập chứng cứ của cơ quan điều tra. Quá trình thu thập các tài liệu, chứng cứ và trình tự thủ tục tố tụng đúng định quy định pháp luật.

[3] Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định: Khoảng 15 giờ ngày 01/01/2017 tại khu vực trước nhà Lê Minh T3 thuộc thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa, Lê Công T, Nguyễn Thanh S, Đoàn Vũ Nhật T4 đã dùng tay, kéo, tuýp sắt đánh Lê Minh T3 và gây thương tích cho T3 với tỉ lệ thương tật là 2%. Ngay sau đó, tại khu vực nhà Ngô Quang T5, thuộc thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa, Lê Công T, Lê Công L1, Nguyễn Thanh S, Huỳnh Quốc N, Nguyễn Anh Q, Nguyễn Văn H2 đã dùng kiếm, dao, tuýp sắt, gạch, đá tiếp tục gây thương tích cho Lê Minh T3.

Các bị cáo đã gây ra thương tích cho Lê Minh Thi với tỉ lệ thương tật là 26%, gây thương tích cho Trần Anh K với tỉ lệ thương tật 02%, gây thương tích cho Cao L4 với tỉ lệ thương tật 17%, gây thương tích cho Nguyễn Văn B4 với tỉ lệ thương tật 09%.

Chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong đời sống xã hội mà các bị cáo đã dùng bạo lực và hung khí để giải quyết mâu thuẫn; hành vi của các bị cáo là xem thường pháp luật và đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác; gây mất trật tự an toàn xã hội; gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân nên cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc và tương xứng với tính chất mức độ của hành vi của từng bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe phòng ngừa trong xã hội. Tuy nhiên, nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của các bị cáo cũng có một phần lỗi của người bị hại.

[4] Bị hại Lê Minh T3 đã có đơn rút yêu cầu khởi tố đối với Đoàn Vũ Nhật T4, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cam Lâm đã đình chỉ điều tra theo

Quyết định đình chỉ điều tra bị can số 03 ngày 21 tháng 6 năm 2018 nên không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Đoàn Vũ Nhật T4.

[5] Xét vai trò của từng vị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Lê Công T là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác, là người thực hành tích cực. Bị cáo đã dùng kéo gây thương tích cho T4, dùng kiếm chém Cao L4; bị cáo có nhân thân xấu nên cần có mức hình phạt nghiêm khắc và cao hơn các bị cáo khác. Tuy nhiên, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; được bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Bị cáo Lê Công L1 là người thực hành tích cực, là người trực tiếp cầm dao chém vào đầu T4; bị cáo có nhân thân xấu nên cũng có mức hình phạt nghiêm khắc. Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; được bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt và có mức hình phạt thấp hơn bị cáo T.

Bị cáo Nguyễn Thanh S là người thực hành tích cực, bị cáo đã dùng tuýp sắt đánh T3, sau đó dùng dao chém L4; bị cáo có nhân thân xấu nên cũng có mức hình phạt nghiêm khắc. Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; được bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt và có mức hình phạt thấp hơn bị cáo L1.

Bị cáo Nguyễn Anh Q là người là người thực hành tích cực, bị cáo là người đã cầm rựa chém vào người T3 nên cần có mức hình phạt nghiêm khắc. Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường cho bị hại, khắc phục một phần hậu quả; được người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt và có mức hình phạt thấp hơn bị cáo S.

Bị cáo Huỳnh Quốc N là người thực hành tích cực, N đã dùng tuýp sắt để tham gia đánh nhau mặc dù không trực tiếp đánh ai nhưng đã tạo động lực tinh thần cho các bị cáo khác; bị cáo có nhân thân xấu nên cũng cần có mức hình phạt nghiêm khắc. Tuy nhiên bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; được bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt; tại thời điểm phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi có phần hạn chế trong nhận thức nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt và có mức hình phạt thấp hơn bị cáo Q.

Bị cáo Nguyễn Văn H2 người thực hành tích cực, bị cáo đã cầm tuýp sắt để tham gia đánh nhau tại khu vực trước nhà T3, tham gia đánh nhau tại khu vực trước nhà T5, tuy bị cáo không trực tiếp gây thương tích cho các bị hại nhưng đã giúp sức về mặt tinh thần cho các bị cáo. Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục một phần hậu quả; được bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên có

phần hạn chế trong nhận thức, vì vậy áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất so với các bị cáo khác.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại Trần Anh K, Cao L4, Lê Minh T3, Nguyễn Văn B4 vắng mặt nên tách ra giải quyết trong vụ án khác khi có yêu cầu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đoàn Văn S4, Nguyễn Chí H4, Đoàn Vũ Nhật T4, Huỳnh Ngọc S vắng mặt nên tách ra để giải quyết trong vụ án khác khi có yêu cầu; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị N1, không có yêu cầu nên không xét.

[4] Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn tuýp sắt tròn dài 0m50, đường kính 0m015 màu xám; 01 cây gỗ tròn màu vàng dài 0m85 đường kính một đầu 0m05 và 01 đầu 0m04 theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

[5] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 104 (trường hợp thuộc điểm a, c khoản 1 Điều 104) Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Lê Công T, bị cáo Lê Công L1, bị cáo Nguyễn Thanh S.

Áp dụng khoản 2 Điều 104 (trường hợp thuộc điểm a, c khoản 1 Điều 104) Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Anh Q.

Áp dụng khoản 2 Điều 104 (trường hợp thuộc điểm a, c khoản 1 Điều 104) Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 56; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Huỳnh Quốc N.

Áp dụng khoản 2 Điều 104 (trường hợp thuộc điểm a, c khoản 1 Điều 104) Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn H2.

Xử phạt bị cáo Lê Công T 04 (bốn) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp với hình phạt 03 năm 06 tháng tù của Bản án số 08/2018/HSST ngày 30/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/9/2017.

Xử phạt bị cáo Lê Công L1 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp với hình phạt 03 năm 06 tháng của Bản án số 08/2018/HSST ngày 30/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/9/2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp với hình phạt 02 năm 06 tháng tù của Bản án số 08/2018/HSST ngày 30/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/9/2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh Q 03 (ba) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày 19/9/2017.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Quốc N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp với hình phạt 02 năm tù của Bản án số 08/2018/HSST ngày 30/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 04 (bốn) năm 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/10/2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H2 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn tuýp sắt tròn dài 0m50, đường kính 0m015 màu xám; 01 cây gỗ tròn màu vàng dài 0m85 đường kính một đầu 0m05 và 01 đầu 0m04 theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại Trần Anh K, Cao L4, Lê Minh T3, Nguyễn Văn B4 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đoàn Văn S4, Nguyễn Chí H4, Đoàn Vũ Nhật T4, Huỳnh Ngọc S được quyền khởi kiện phần dân khi có yêu cầu; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị N1 không có yêu cầu nên không xét.

Về án phí: Các bị cáo Lê Công T, Nguyễn Thanh S, Lê Công L1, Nguyễn Anh Q, Huỳnh Quốc N, Nguyễn Văn H2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H2 và đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn H2 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị N1, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các bị hại Trần Anh K, Cao L4, Lê Minh T3, Nguyễn Văn B4 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đoàn Văn S4, Nguyễn Chí H4, Đoàn Vũ Nhật T4, Huỳnh Ngọc S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận :

- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa
- Viện KSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Viện KSND huyện Cam Lâm;
- Công an huyện Cam Lâm;
- Thi hành án dân sự huyện Cam Lâm;
- Bị cáo; Đại diện hợp pháp của bị cáo;
- Luật sư bào chữa cho bị cáo;
- Bị hại, NLQ;
- Lưu án văn, hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Phi

